

1111 Series — SERIES CAO CẤP

Bánh xe PAU(xám) đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 125 x 31mm

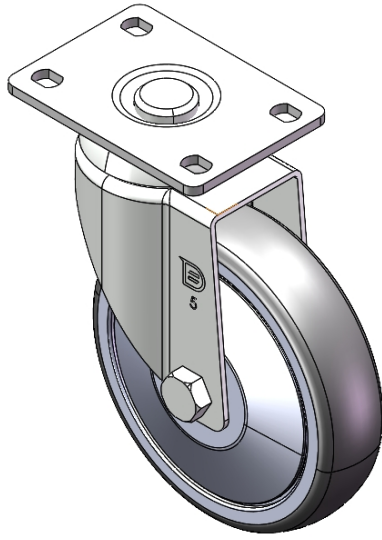
EAN

YJ-11110500322013

Bánh xe xoay, chân đế đỉnh tán - lỗ cao cấp  
Bề mặt mạ kẽm, lắp trên đế  
Lõi bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo, mặt bánh xe bằng polyurethane chất lượng cao  
Xám, ô trục bánh xe - bi chính xác.

Mặt bánh xe: Được làm bằng polyurethane chất lượng cao  
Lõi bánh xe: Nhựa nhiệt dẻo (PA6)

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

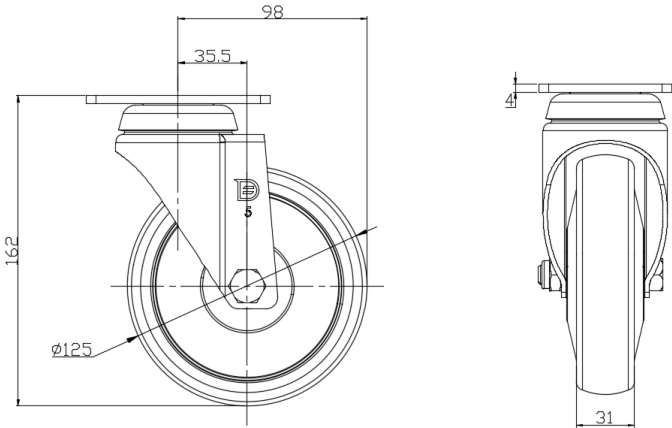
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 125mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 31mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 96 x 69mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 75 x45mm                    |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 11.3 x 8.8mm                |
| Độ lệch tâm                                                               | 35.5mm                      |
| Sự can thiệp quay                                                         | 196mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 162mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 98mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 94±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 130kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 195kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +70°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 1.09kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

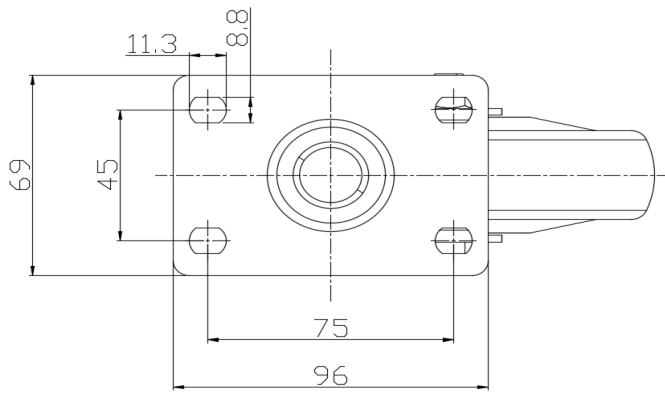
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ○ |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét